

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TIẾN HƯNG BẠC LIÊU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TIẾN HƯNG BẠC LIÊU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CTY TNHH XD TIẾN HƯNG BL

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1900686841

**3. Ngày thành lập:** 01/12/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Ấp Phước Hòa Tiên, Thị Trấn Phước Long, Huyện Phước Long, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

Điện thoại: 0944 20 40 60

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                 | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                        | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                        | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                   | 4390        |
| 5.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Giám sát, tư vấn khảo sát, lập dự án đầu tư, quy hoạch, kiến trúc, tư vấn đấu thầu, quản lý dự án các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật. | 7110        |
| 6.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                     | 4101(Chính) |
| 7.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                               | 4102        |
| 8.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                         | 4211        |
| 9.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                          | 4212        |
| 10. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                              | 4221        |
| 11. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                   | 4222        |
| 12. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                    | 4223        |
| 13. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                     | 4229        |
| 14. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                              | 4291        |
| 15. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                       | 4292        |
| 16. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                 | 4293        |
| 17. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                            | 4299        |
| 18. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                | 4311        |
| 19. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                     | 4312        |
| 20. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                 | 4321        |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: LÊ CHÍ NGUYỄN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 10/10/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 095092004793

Ngày cấp: 10/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Ấp Phước Hòa Tiền, Thị trấn Phước Long, Huyện Phước Long, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp Phước Hòa Tiền, Thị trấn Phước Long, Huyện Phước Long, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: LÊ CHÍ NGUYỄN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/10/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 095092004793

Ngày cấp: 10/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Ấp Phước Hòa Tiền, Thị Trấn Phước Long, Huyện Phước Long, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp Phước Hòa Tiền, Thị Trấn Phước Long, Huyện Phước Long, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bạc Liêu